Một nét cá tính làng xã Việt Nam truyền thống: Nhìn từ hương ước

ĐẶNG HOÀNG GIANG*

Hầu hết các học giả Việt Nam, với điều kiện tư liệu hiện nay, đều xác định mốc xuất hiện của hương ước là từ thế kỷ XV - thời Lê sơ (hương ước được hiểu như là các văn bản ghi những điều ước của làng bằng chữ Hán hoặc Nôm). Chí ít thì dưới thời Lê Thánh Tông trị vì (1460 - 1497), trong số các văn kiện về nội chính của triều đình, có một chỉ dụ nhằm hạn chế việc các làng lập hương ước[1]. Chứng tỏ bấy giờ, việc lập hương ước đã khá phổ biến. Các thời kỳ sau đó, hương ước tiếp tục tồn tại và nảy nở. Trong bài, người viết chỉ giới hạn việc khảo sát loại hình hương ước cho đến cuối thế kỷ XIX. Vì từ đó trở về sau, bản thân hương ước đã phái sinh nhiều yếu tố khác.

Phải nói rằng: hương ước đã phần nào thể hiện tính tự trị của làng. Các bản hương ước đề cập đến hầu hết những vấn đề quan trọng của làng xã: đọc "Hương ước Thái Bình", "Hương ước Thanh Hóa", "Hương ước cổ Hà Tây"[2], ta thấy nội dung của chúng thường hàm chứa các mặt sau:

- Việc bầu bán.
- Việc tế tự.
- Việc canh phòng (tài sản gia đình, của công và hoa màu).
- Các loại hình thưởng phạt.
- Việc khao vọng, biếu xén (lên lão, đỗ đạt, thăng chức).
- Việc chia ruộng...

Nói chung, đó là những vấn đề thiết yếu nhất, thời sự nhất của làng. Mặt khác, những giao ước của làng luôn được bổ sung trong các bản hương ước - khiến cho nội dung của nó luôn "đầy" lên, luôn bắt kịp các diễn biến của việc làng. Ví dụ: hương ước thôn Dương Liễu (xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Hà Tây) từ 1668 đến 1800 đã liên tục được bổ sung đến ít nhất cũng là 10 lần. Các khoán ước còn sót lại ở Dương Liễu cho ta biết:

- (I) Khoán ước lập ngày mồng 10 tháng 7 năm Cảnh Trị 4 (1666).
- (II) Khoán ước lập ngày 20 tháng 8 năm Cảnh Trị 6 (1668).
- (III) Khoán ước lập ngày 19 tháng 2

* Đặng Hoàng Giang, Đại học Quốc gia Hà Nội

năm Cảnh Trị 8 (1670).

- (IV) Khoán ước lập ngày 20 tháng 3 năm Cảnh Trị 8 (1670).

- (V) Khoán ước lập ngày 18 tháng 10 năm Chính Hoà 12 (1691).

- (VI) Khoán ước lập ngày 21 tháng giêng năm Vĩnh Hựu 5 (1739).

- (VII) Khoán ước lập ngày mồng 1 tháng 4 năm Cảnh Hưng 10 (1749).

- (VIII) Khoán ước lập ngày 19 tháng 5 năm Cảnh Hưng 15 (1754)

- (IX) Khoán ước lập ngày mồng 8 tháng 10 năm Cảnh Hưng 21 (1760).

- (X) Khoán ước lập tháng 3 năm Cảnh Thịnh 8 (1800)[3].

Các hiện tượng tương tự không hề hiếm trong hương ước ở các địa phương khác. Vả lại, một phần nội dung của hương ước là sự cố định hoá bằng văn bản các tục lệ, tập quán đã từng có trước đó trong cộng đồng làng - những giá trị liên quan đến đạo đức, luân lí... trở thành hệ giá trị của cộng đồng. Cho nên, ta bắt gặp bóng dáng của các tập quán pháp xưa phảng phất trong hương ước, nó thuộc về thế ứng xử ngàn đời của tâm thức Việt: quy định về thờ tự các đền miếu trong làng - liên quan đến tục thờ cúng tổ tiên của người Việt; các lệ đối với dân nhập cư; lệ mừng lên lão - gợi nhắc đến tục trọng xỉ; lệ nộp "cheo" cho làng; lệ bảo vệ các công trình thuỷ lợi... Do đó, trong điều kiện Nhà nước và cơ sở xa cách, phép vua khó lòng thẩm thấu vào các làng thì hương ước là công cụ đắc dụng để điều chỉnh những mối quan hệ phức tạp của cộng đồng (mà ta vẫn quen gọi là việc làng). Có lẽ vì thế mà một số người, kể cả các chuyên gia về luật, xem hương ước như một bộ luật, đúng hơn là một bộ "tiểu luật" tồn tại bên cạnh bộ luật của Nhà nước[4].

Điều đáng nói là với hương ước, cá tính của thế giới làng xã vẫn được biểu hiện chứ không đến nỗi bị mờ nhoè đi trước sức hút của bộ luật nhà nước: ở chỗ, thông quan bộ tiểu luật, làng tự quản lãnh lấy được chính mình và không quá phụ thuộc vào nhà nước trung ương. Chúng ta hãy cảm nhận trích đoạn sau trong hương ước làng Cổ Ninh - một làng cổ ở châu thổ Bắc Bộ:

"Đại để nghe rằng, hương đảng là một tiểu triều đình nhỏ. Hương đảng mà có điều ước cũng như triều đình có luật lệ, nếu không nghiêm chỉnh thì ai người ta chịu theo..."[5]. Người viết chưa được đọc hương ước (hay là loại hình văn bản có chức năng tương tự) của các nước trong khu vực để có thể tránh rơi vào tình trạng võ đoán. Nhưng theo GS. Phan Đại Doãn thì hương ước Trung Hoa, Thái Lan và Indonesia không có tính ước chế cao như hương ước Việt Nam[6].

Như vậy, luận điểm đầu tiên được rút ra là: chấp nhận sự tồn tại của một bộ tiểu luật song hành với bộ luật nhà nước là một sự nhân nhượng hay là một biểu hiện nhân nhượng của chính quyền phong kiến đối với làng xã.

Trước các thể chế mạnh, làng xã phải "co" mình lại, nói khác đi là phải nhân nhượng, nhân nhượng để tồn tại.

Trước hết, hương ước, dù thuộc về địa phương vẫn phải qua sự kiểm soát của nhà nước. Một văn kiện đời Lê sơ khi chỉ dụ các làng xã lập hương ước, có quy định:

- Làng xã không nên có khoán ước riêng, bởi lẽ đã có luật pháp chung của nhà nước.

- Riêng làng xã nào có những tục khoán lạ thì có thể lập khoán ước và cấm lệ.

- Thảo khoán ước cho làng phải là người có chức phận chính thức, có Nho học, có tuổi tác, có đức hạnh.

- Thảo xong, khoán ước của làng còn phải được quan lại cấp trên duyệt và nếu cần thì bác bỏ.

- Một khi làng xã đã có khoán ước rồi, mà vẫn còn những kẻ không chịu theo, cứ nhóm họp riêng, thì những kẻ đó sẽ bị quan trên trị tội(7).

Vả lại, hương ước không tự giải quyết được các "tình huống" của làng: nhiều vụ án lớn mang tính đại sự như giết người, làng không đề ra các giả thiết giải quyết trong hương ước. Nói khác đi, nhiều vấn đề lớn, làng phải nhường lại cho bộ luật nhà nước.

Hầu hết hương ước (đặc biệt là hương ước Nguyễn), ở phần đầu hoặc phần cuối của nó thường có mấy lời trình của những người soạn hương ước đối với quan sở tại - để xin chứng thực cho việc làng lập hương ước. Khoán ước xã Ngọc Than - một bản khoán ước hết sức đầy đặn và điển hình có ghi như sau: "... Chúng tôi, bao gồm chức sắc, lí dịch, kỳ lão, binh hộ và trên dưới trong toàn xã Ngọc Than, tổng Thạch Thán, huyện An Sơn, phủ Quốc Oai xin trình về việc làm lệ làng như sau..." (1892)(8). Chỉ khi quan sở tại đã xem qua hương ước và chấp nhận nó thì hương ước làng xã mới đủ điều kiện để thực hiện các chức năng trong cộng đồng.

Sự "có mặt" của nhà nước trong các hương ước còn biểu hiện qua nhiều khía cạnh khác. Dẫu vậy, sự kiểm soát của nhà nước với hương ước cũng là một sự tự "hi sinh" của làng: nó phải mất đi các quyền lợi riêng trước kia để được sống với cái lệ làng của mình, tức là tồn tại với mức độ tự trị có giới hạn.

Như vậy, qua hương ước đã diễn ra một sự nhân nhượng: về phía nhà nước là chấp nhận hay châm chước ít nhiều quyền lợi riêng của làng; về phía làng xã, nó vẫn ít nhiều được sống với cái cá tính của nó để tạo ra một "nền dân chủ làng mạc" nhưng không được phép vượt ra ngoài khuôn khổ của phép nước./.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo Từ Chi: *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*, NXB Văn hoá dân tộc - Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, H.2001, tr.352.
2. Xem: *Hương ước Thái Bình* (Nguyễn Thanh bs), NXB Văn hoá dân tộc, H.2000
- *Hương ước Thanh Hoá* (Vũ Ngọc Khánh, Vũ Quang Ngọc st), NXB Khoa học xã hội, H.2000.
- *Hương ước cổ Hà Tây* (Nguyễn Tá Nhí dịch), Bảo tàng tổng hợp - Sở Văn hoá - Thông tin - Thể thao Hà Tây, Hà Tây. 1993
3. Xem: Hương ước cổ Hà Tây, sđd. tr.36 - 59.
4. Lê Đức Tiết: *Văn hoá pháp lý Việt Nam*, NXB Tư pháp, H.2005, tr.132 - 133
5. Dẫn theo Vũ Duy Mền: *Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam với luật làng KanTo Nhật Bản (thế kỷ XVII - XIX)*, Viện sử học, H.2001, tr.69
6. Phan Đại Doãn: *Làng Việt Nam, một số vấn đề về kinh tế - xã hội*, NXB Mũi Cà Mau, Minh Hải. 1992
7. Từ Chi, Sđd, tr.352 - 353
8. Dẫn theo Vũ Duy Mền, sđd, tr.454